

ĐỘNG CƠ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Trần Thị Bích Diệp

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Động cơ học tập là một trong những thành phần có tính chất then chốt nhất trong công việc học tập. Động cơ học tập tạo nên một nguồn sức mạnh, nguồn năng lực mạnh mẽ khiến cho sinh viên cảm thấy có trách nhiệm và đầy nhiệt huyết để đạt được kết quả học tập của mình. Nó quyết định mục đích và thúc đẩy hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên nhằm chiếm lĩnh mục tiêu, yêu cầu đào tạo, sẵn sàng bước vào nghề nghiệp đã xác định. Bài báo thể hiện kết quả nghiên cứu về động cơ học tập của sinh viên trường Đại học Thủ Đô Hà Nội thông qua 3 hoạt động cơ bản là nghiên cứu tài liệu chuyên môn, thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.

Từ khóa: Động cơ học tập, sinh viên, Đại học Thủ Đô Hà Nội.

Nhận bài ngày 11.10.2021; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 22.11.2021

Liên hệ tác giả: Trần Thị Bích Diệp; Email: ttbdiep@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Động cơ học tập (ĐCHT) là một trong những yếu tố quyết định chất lượng, hiệu quả học tập của người học. Trong hệ thống động cơ của con người, ĐCHT giữ một vị trí rất quan trọng trong việc thúc đẩy con người nỗ lực vươn lên chiếm lĩnh tri thức, hướng tới thành công. Nếu người học có động cơ học tập tốt thì kết quả học tập không thể yếu kém và ngược lại. Bước sang hoạt động học tập của sinh viên là bước chuyển mình quan trọng với rất nhiều những khó khăn từ cuộc sống hàng ngày đến các mối quan hệ xã hội cũng như điều kiện học tập, phương pháp dạy của giáo viên... đã chi phối không nhỏ đến thời gian và tinh thần học tập. Với khối lượng kiến thức khổng lồ trên các tài liệu khác nhau đòi hỏi mỗi cá nhân phải tham gia tích cực vào hoạt động học để đạt kết quả cao nhất.

Để góp phần phát huy hơn nữa tính tích cực học tập của sinh viên nói chung, sinh viên trường Đại học Thủ Đô Hà Nội nói riêng, bài viết tập trung phân tích mức độ phát triển động cơ học tập của sinh viên (SV) hiện nay qua việc khảo sát 438 SV ở các khoa và các khóa khác nhau của Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội (ĐHTĐHN).

2. NỘI DUNG

2.1. Các khái niệm cơ bản

2.1.1. Động cơ, động cơ học tập

Thuật ngữ “động cơ” (motivation) có nguồn gốc từ tiếng Latin “movere”, có nghĩa là “làm cho chuyển động”. Động cơ có thể được phân thành các lực tác động bên trong và bên ngoài một người nhằm tạo ra sự kích thích, định hướng, củng cố việc duy trì mục tiêu và nỗ lực tự thân. Các học thuyết về động cơ quan tâm đến việc giải thích lí do vì sao và làm thế nào mà hành vi con người được kích hoạt. Theo Từ điển tiếng Việt, “Động cơ là những gì thôi thúc con người có những ứng xử nhất định một cách vô thức hay hữu ý và thường gắn liền với những nhu cầu” [1; tr 32].

Theo Nguyễn Quang Uẩn (2003): “Động cơ là cái thúc đẩy con người hoạt động nhằm thoả mãn nhu cầu, là cái làm nảy sinh tính tích cực và quy định xu hướng của hướng tích cực đó. Động cơ là động lực kích thích trực tiếp, là nguyên nhân trực tiếp của hành vi” [2; tr 32]. Theo Phan Trọng Ngọ, “ĐCHT là cái mà việc học của họ phải đạt được để thoả mãn nhu cầu của mình. Nói ngắn gọn, học viên học vì cái gì thì đó chính là ĐCHT của học viên” [3; tr 233].

Như vậy, ĐCHT là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động học tập, tự học của người học. ĐCHT đúng đắn sẽ khiến người học học tập một cách tích cực, hứng thú, say mê; ngược lại, ĐCHT không phù hợp làm cho người học chán nản, việc học tập mang tính chất đối phó, miễn cưỡng. Do vậy, nghiên cứu để xây dựng ĐCHT đúng đắn cho người học là rất cần thiết để nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường.

2.1.2. Vai trò của động cơ học tập

Để nâng cao chất lượng học tập đòi hỏi SV phải có ĐCHT đúng đắn. Điều này có nghĩa là SV cần học để nâng cao tri thức, phát triển nhân cách, có năng lực và đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và những chuẩn mực do xã hội đặt ra.

ĐCHT đóng vai trò rất quan trọng, là “kim chỉ nam” và là động lực cho hoạt động học tập, là nguyên nhân trực tiếp giúp SV duy trì hứng thú và vượt qua mọi khó khăn để đạt được mục đích đề ra. ĐCHT cũng là cơ sở để giải thích tại sao người học lại nhiệt tình, thích thú, tích cực và không cảm thấy áp lực khi tham gia các hoạt động học tập (Trần Thị Phương Thảo và Nguyễn Thành Đức, 2013) [4].

2.1.3. Động cơ học tập bậc đại học

Bản chất của hoạt động học tập của SV ở bậc ĐH là quá trình nhận thức có tính nghiên cứu, vì thế năng lực tự học, tự nghiên cứu và tính sáng tạo là những đặc trưng quan trọng. Theo Phan Trọng Ngọ [3], các yếu tố chính có ảnh hưởng đến ĐCHT của SV bao gồm: nguồn động cơ, các loại mục tiêu đặt ra, nhu cầu thành tích, loại quan tâm, quy kết nguyên nhân và niềm tin năng lực. Các yếu tố này có thể tóm tắt như sau:

+*Nguồn động cơ* bao gồm: Động cơ bên trong (nhu cầu hứng thú, ham hiểu biết); Động cơ bên ngoài (môi trường, phần thưởng, sức ép xã hội, sự trừng phạt).

+*Loại đặt mục tiêu*: Mục tiêu học tập (sự thoả mãn của cá nhân khi đáp ứng được thử thách

và nâng cao bản thân dẫn đến lựa chọn bài tập có độ khó vừa phải; Mục tiêu thực hiện (mong muốn chứng tỏ khả năng trong mắt người khác dẫn đến lựa chọn bài tập rất dễ hoặc rất khó).

+ *Nhu cầu thành tích*: Động cơ đạt thành tích (có sự định hướng rõ ràng); Động cơ né tránh thất bại (có hướng thiên về lo lắng).

+ *Loại quan tâm*: Quan tâm về cái tôi trong mắt người khác; Quan tâm vào nhiệm vụ (quan tâm việc nắm vững tài liệu).

+ *Sự quy kết nguyên nhân*: Quy thành công hay thất bại cho nỗ lực có thể điều khiển được; Quy thành công hay thất bại cho các yếu tố cá nhân không thể điều chỉnh được.

+ *Niềm tin về năng lực*: Quan điểm tăng tiến (tin rằng năng lực có thể được nâng cao qua sự chăm chỉ); Quan điểm thực thể (cho rằng năng lực ổn định, đặc điểm cá nhân không thể điều khiển được).

2.2. Thực trạng động cơ học tập của sinh viên trường Đại học Thủ Đô Hà Nội

2.2.1. Giới thiệu chung về tổ chức khảo sát thực trạng

Trong nghiên cứu này, khi phân tích động cơ học tập của SV, chúng tôi tập trung vào phân tích ba mặt cơ bản trong hoạt động học tập, đó là: đọc tài liệu chuyên môn, thực hành (làm bài tập, thảo luận nhóm, thực tập tại cơ sở) và nghiên cứu khoa học (NCKH) với tiêu chí đánh giá như sau:

* *Đối với hành động đọc tài liệu chuyên môn*

Khía cạnh nội dung của động cơ thể hiện những nội dung như: đọc tài liệu chuyên môn để nâng cao hiểu biết của mình, sau này có thể tự học suốt đời thường xuyên thúc đẩy. Động cơ thể hiện ở mức trung bình khi những nội dung này thỉnh thoảng thúc đẩy và ở mức yếu khi những nội dung này không bao giờ thúc đẩy.

Khía cạnh lực của động cơ thúc đẩy ở mức độ mạnh khi những biểu hiện vượt qua khó khăn như: Tìm những ý quan trọng, tóm tắt dưới dạng sơ đồ, mô hình; tự xây dựng tóm tắt nội dung theo trình tự logic, tự tìm ví dụ minh họa cho những nội dung mình đang đọc, tranh thủ cơ hội trình bày với giảng viên, bạn bè những điều mình đã đọc; tự rút kinh nghiệm cách đọc tài liệu chuyên môn thường xuyên xuất hiện. Động cơ thúc đẩy ở mức trung bình khi những biểu hiện này thỉnh thoảng xuất hiện và ở mức độ yếu khi không bao giờ xuất hiện.

* *Đối với hành động thực hành*

Khía cạnh nội dung của động cơ thể hiện ở những nội dung như: thực hành để trở thành chuyên gia giỏi trong lĩnh vực đào tạo, để có thể vận dụng những kiến thức đã được học vào cuộc sống, để dễ dàng xin việc làm thường xuyên thúc đẩy. Động cơ thể hiện ở mức trung bình khi những nội dung này chỉ thỉnh thoảng thúc đẩy và ở mức độ yếu khi những nội dung này không bao giờ thúc đẩy.

Khía cạnh lực của động cơ thúc đẩy ở mức độ mạnh khi những biểu hiện vượt qua khó khăn như: tự làm các bài tập mà giảng viên giao cho sau mỗi lần lên lớp lý thuyết; tìm thêm các bài tập (ngoài những bài tập đã đề cập tới ở các nội dung trên) để làm, mặc dù giảng viên

không yêu cầu; tự trả lời câu hỏi và làm bài tập có trong tài liệu đang đọc, trả lời các câu hỏi do giảng viên nêu lên trong khi giảng lý thuyết thường xuyên xuất hiện. Động cơ thúc đẩy ở mức độ trung bình khi những biểu hiện này thỉnh thoảng xuất hiện và ở mức độ yếu khi không bao giờ xuất hiện.

****Đối với hành động nghiên cứu khoa học***

Khía cạnh nội dung của động cơ thể hiện những nội dung như: muốn hoàn thiện tri thức, muốn trở thành chuyên gia giỏi trong tương lai thường xuyên thúc đẩy. Động cơ thể hiện ở mức độ trung bình khi những nội dung này thỉnh thoảng thúc đẩy và thể hiện ở mức độ yếu khi những nội dung này không bao giờ thúc đẩy.

Khía cạnh lực của động cơ thúc đẩy ở mức độ mạnh khi những biểu hiện như: gặp gỡ giảng viên để nhận được sự giúp đỡ trong khi NCKH; trao đổi với bạn bè mỗi khi gặp khó khăn; vượt qua khó khăn để thực hiện đề tài khoa học đến cùng thường xuyên xuất hiện. Động cơ thúc đẩy ở mức độ trung bình khi những biểu hiện này thỉnh thoảng xuất hiện và ở mức độ yếu khi không bao giờ xuất hiện.

Để tìm hiểu thực trạng động cơ học tập của sinh viên trường Đại học Thủ Đô Hà Nội, chúng tôi tiến hành nghiên cứu 438 sinh viên ở các khoa và các khóa khác nhau của trường ĐHTĐHN. Nghiên cứu sử dụng điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu làm công cụ thu thập số liệu cơ bản, trong đó điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chính. Bảng hỏi có chỉ số Cronbach's = 0,871, đạt mức độ tin cậy cao, có thể sử dụng để triển khai lấy số liệu.

2.3.2. Kết quả khảo sát

Kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy, đa số SV được điều tra cho rằng động cơ học tập là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất tới việc đọc tài liệu chuyên môn, thực hành và NCKH của mình.

Nhìn chung, về mặt nội dung của động cơ (mặt nhận thức), đa số SV đều cho rằng, vì tha thiết muốn trở thành những chuyên gia giỏi trong nghề nghiệp mình đang được đào tạo, vì mong muốn sau này có thể tự học suốt đời, muốn thường xuyên bổ sung những thông tin mà thầy cô chưa đề cập tới trong bài giảng... nên phải tích cực đọc tài liệu chuyên môn. Trong lĩnh vực thực hành, đại đa số SV được điều tra cũng nhận thức được rằng, nếu không có tay nghề cao thì khi tốt nghiệp ra trường sẽ rất khó xin được việc làm. Tương tự như vậy, trong lĩnh vực NCKH, đa số SV cũng nhận thức rất rõ ràng, một chuyên gia giỏi trong một lĩnh vực nghề nghiệp nào đó không thể thiếu năng lực NCKH.

Trong từng mặt hoạt động cụ thể, kết quả thu được như sau:

****Động cơ thúc đẩy hành động đọc tài liệu chuyên môn:***

Kết quả nghiên cứu cho thấy, những nội dung động cơ hoàn thiện tri thức có ĐTB từ 2.05 đến 2.6 (về mặt lý thuyết ĐTB cao nhất là 3, thấp nhất là 1), còn nhóm động cơ quan hệ xã hội có ĐTB từ 1.85 đến 1.92. Điều đó chứng tỏ động cơ hoàn thiện tri thức nổi trội hơn động cơ xã hội trong hệ thống động cơ học tập của SV.

Có tới gần 70% SV nhận thức được rằng: “Thầy chỉ là một nguồn thông tin, nếu không

khai thác thông tin từ các nguồn khác (sách báo, tài liệu chuyên môn) thì hiểu biết của tôi quá hạn hẹp, nghèo nàn. Vì vậy, tôi cho rằng phải cố gắng đọc càng nhiều sách báo, tài liệu chuyên môn thì càng tốt”. Qua phỏng vấn sâu, có SV khoa Sư phạm còn nhấn mạnh thêm: “Thời gian dành cho mỗi môn học trên lớp là quá ít không đủ để thầy (cô) có thể giải thích hết những khía cạnh khác nhau của vấn đề. Tôi đọc tài liệu chuyên môn để hiểu sâu sắc hơn những điều thầy (cô) giảng dạy và khám phá thêm những cái mới mà thầy cô chưa đề cập tới trên lớp”.

Nhiều SV còn nhận thức được rằng, ở bậc đại học cần phải học phương pháp để tự học suốt đời, nên khi còn ngồi trên ghế nhà trường cần phải tận dụng hết những điều kiện thuận lợi: thời gian khá dồi dào cho hoạt động học tập, phong trào học tập, sự giúp đỡ của thầy cô, bạn bè khi cần thiết... để rèn luyện kỹ năng đọc tài liệu chuyên môn cho bản thân. Chính vì vậy mà có tới 60% SV đồng tình cao với nội dung: “Tôi nhận ra rằng, muốn có phương pháp đọc sách một cách khoa học để sau này có thể tự học suốt đời đạt kết quả cao, thì ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường phải kiên trì luyện tập, rút kinh nghiệm trong quá trình đọc sách và tài liệu chuyên môn”. Có SV còn trả lời đầy tâm huyết: “Để trở thành một người có ích cho xã hội, nhiệm vụ của mỗi SV khi còn ngồi trên ghế nhà trường phải không ngừng tích lũy kiến thức chuyên môn. Tài liệu chuyên môn là nơi bạn có thể khai thác được rất nhiều thông tin khoa học về lĩnh vực đào tạo của mình”. – SV khoa Khoa học xã hội và nhân văn.

“Động cơ duy nhất của em là muốn trau dồi kiến thức chuyên môn, để cập nhật những thông tin mới nhất, nên em phải đọc nhiều tài liệu chuyên môn để tích lũy và hiểu sâu kiến thức thì sau này mới có thể ứng dụng được vào thực tiễn” – SV Khoa Văn hóa Du lịch.

Có những SV không chỉ nhận thức được tầm quan trọng của việc đọc tài liệu chuyên môn, mà còn thực sự hứng thú với công việc này: “Tài liệu chuyên môn làm cho chúng ta hiểu biết nhiều về khoa học cũng như về đời sống, do vậy tôi cảm thấy được thả mình vào thế giới khoa học, để mà tư duy, tưởng tượng. Tôi đọc tài liệu chuyên môn một cách tự nguyện không do sự bắt buộc của bất kỳ ai”. Có thể khẳng định rằng, đại đa số SV đã nhận thức khá sâu sắc về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc đọc tài liệu chuyên môn. Họ bộc lộ khá rõ sự khao khát của mình đối với những kiến thức chuyên môn gắn liền với nghề nghiệp sau này.

****Động cơ thúc đẩy hành động thực hành:***

Trong nhận thức của SV, nhóm nội dung động cơ ứng dụng những kiến thức vào trong cuộc sống mạnh hơn động cơ xã hội.

Hiểu được tầm quan trọng của kỹ năng làm việc đối với công việc sau này nên trong nhận thức, đại đa số SV đều khẳng định: “Nếu không có tay nghề thì khi tốt nghiệp ra trường sẽ rất khó xin được việc làm” (ĐTB: 2.74). Một SV Khoa Kinh tế và Đô thị đã nhấn mạnh khi được phỏng vấn: “Từ khi bước chân vào giảng đường đại học tôi đã quyết tâm sau khi tốt nghiệp sẽ tìm được một công việc có thu nhập cao, đúng ngành mà mình yêu thích. Tôi hiểu rằng đây mà mục đích rất khó thực hiện, nhưng tôi luôn hy vọng là mình sẽ làm được”. Tương tự như vậy, SV khoa Khoa Học Tự Nhiên và Công nghệ phát biểu: “Tôi không muốn

mình cũng bị rơi vào tình trạng bi đát như những SV khác: tốt nghiệp đại học xong rồi nằm dài ở nhà không có cơ quan nào tiếp nhận, tuyển dụng khi chỉ có trong tay những lý thuyết dài dòng, khó hiểu”.

Mong muốn trở thành chuyên gia giỏi trong lĩnh vực được đào tạo là điều khá phổ biến và thôi thúc SV trong thực hành: “Tôi muốn trở thành một chuyên gia giỏi trong nghề nghiệp tương lai mà mình đang được đào tạo. Vì thế tôi cố gắng thực hành thật nhiều” (ĐTB: 2.49). Đây cũng là điều kiện để sau này có thể cống hiến được nhiều cho gia đình và góp phần làm cho xã hội phát triển. SV đã thấy được sự gắn bó giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng. Một SV ngành Sư phạm Văn cho rằng: “Chỉ có lý thuyết không thôi thì chưa đủ, mà phải có kinh nghiệm thực tiễn SV mới bớt lúng túng, khó khăn khi bước vào môi trường nghề nghiệp. Công việc trong tương lai thúc đẩy tôi thực hành, thực hành để tích lũy kỹ năng nghề nghiệp”. SV khác của Khoa Ngoại Ngữ khẳng định: “Học lý thuyết không là chưa đủ, người ta nói rằng “Học phải đi đôi với hành”, thực hành là cách tốt nhất để SV có thể kiểm tra được kiến thức và luyện tập kỹ năng làm việc trong thực tế”.

Ngoài ra, không ít SV nhận thức được rằng, những điều học được trong lý thuyết có thể vận dụng vào việc giải quyết những vấn đề trong cuộc sống thực tế của bản thân (ĐTB: 2.46): “Mục đích cuối cùng của học tập là ứng dụng nó trong cuộc sống để đem lại lợi ích cho bản thân và xã hội. Một lý thuyết không được thực hành thì nó chỉ nằm trên giấy không mang lại lợi ích gì. Thực hành giúp SV nhớ lý thuyết hơn và đôi khi còn bổ sung cho lý thuyết phù hợp hơn với thực tế” – SV Khoa Giáo dục nghề nghiệp chia sẻ.

Có thể nói, đa số SV nhận thức sâu sắc ý nghĩa và tầm quan trọng của việc thực hành những kiến thức lý thuyết đã được học. Động cơ tiềm năng thúc đẩy hành động thực hành của SV là rất rõ rệt.

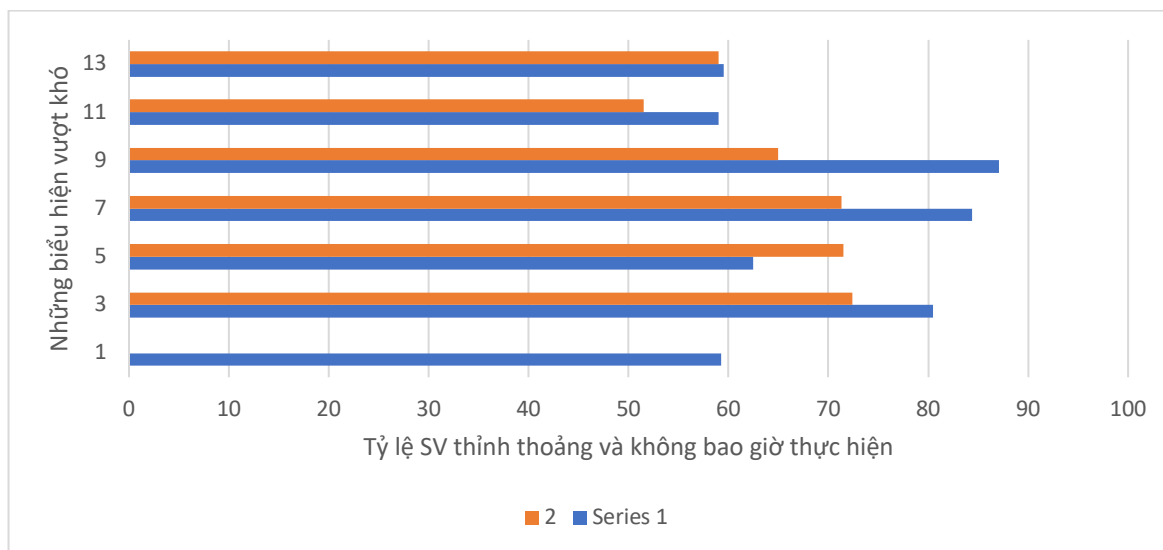
****Động cơ thúc đẩy hành động nghiên cứu khoa học***

Hành động NCKH của SV phần lớn được thúc đẩy bởi động cơ có nội dung muốn hoàn thiện tri thức, muốn trở thành chuyên gia giỏi hơn là động cơ có nội dung xã hội. Gần 70% SV nhận thức rằng, muốn làm khóa luận tốt nghiệp tốt thì phải tập dượt nghiên cứu khoa học từ những năm đầu mới nhập học. Trên 50% SV cho rằng, muốn trở thành chuyên gia giỏi cần phải tích cực tập dượt NCKH ngay từ khi còn ngồi trên ghế giảng đường đại học. Những ý kiến khác như nếu không tích cực NCKH thì sẽ bị lạc lõng, sẽ bị chê bai là kém cỏi; hoặc, không nghe lời thầy cô, là làm thất vọng người thân... được rất ít SV đồng tình (chỉ chiếm tỉ lệ từ 15.8% đến 20%). Đề cập đến điều này, một SV đã nói: “SV được trang bị rất nhiều kiến thức, nhưng kiến thức thường rất dàn trải, chưa mang tính chuyên sâu. Tôi muốn NCKH để tập dượt kỹ năng vận dụng tri thức một cách tổng hợp vào việc phân tích, tổng hợp một vấn đề cụ thể; qua đó để tích lũy kinh nghiệm NCKH. Cùng với điều này thì việc cộng điểm học tập và rèn luyện, nếu đoạt giải cũng rất hấp dẫn, lôi cuốn”.

Đối với một số SV, NCKH còn là dịp tốt để họ được tiếp xúc trực tiếp với giảng viên, trình bày những thắc mắc, trao đổi những vấn đề phức tạp mà bản thân họ còn hiểu biết chưa sâu. Một SV tâm sự: “Trong học tập cũng nhiều vấn đề chưa hiểu, em có ý định gặp giáo

viên để được giải đáp nhưng lại sợ, cuối cùng lại thôi. Sau đợt làm đề tài khoa học thì khoảng cách giao tiếp của em với giáo viên thu hẹp một cách rõ ràng, em thấy giáo viên cũng rất thân thiện và dễ gần. Đến bây giờ thì em cảm thấy tự tin và thoải mái mỗi khi giao tiếp với giáo viên”. Tuyệt đại đa số SV đều nhận thức được khá đầy đủ ý nghĩa và tầm quan trọng của công việc NCKH đối với quá trình học tập hiện nay và sau này. Động cơ tiềm năng thúc đẩy hành động NCKH của SV qua đó cũng biểu hiện rất rõ ràng. Những kết quả nghiên cứu nêu trên cho phép đi đến nhận định rằng, khía cạnh nội dung của động cơ học tập (khía cạnh nhận thức của động cơ học tập) hay còn gọi là động cơ học tập tiềm năng được hình thành khá đậm nét ở đại đa số SV. Họ nhận thức khá đầy đủ và sâu sắc tầm quan trọng, ý nghĩa của việc đọc tài liệu chuyên môn, thực hành những kiến thức lý luận đã được học và NCKH đối với quá trình học tập hiện tại và công tác sau này.

Tuy nhiên, động cơ học tập đang tồn tại dưới dạng tiềm năng không phải khi nào cũng phát triển thành động cơ học tập có hiệu lực. Điều này được biểu hiện qua sự sẵn sàng vượt qua khó khăn bằng hành động cụ thể để đạt mục đích đã định trước trong quá trình học tập. Đó là biểu hiện sức mạnh (lực đẩy) của động cơ học tập và là cơ sở để đưa ra kết luận về sự phát triển từ động cơ học tập tiềm năng sang động cơ học tập có hiệu lực. Nghiên cứu cho thấy, nhiều SV tỏ ra ngại khó, thoái lui, bỏ dở, không thực hiện đến cùng công việc đang làm khi đối mặt với những khó khăn đòi hỏi phải nỗ lực ý chí vượt qua. Có tới 80,5% SV chỉ thỉnh thoảng hoặc không bao giờ tự mình trả lời những câu hỏi và bài tập có trong giáo trình mà mình đang đọc. 72,4% thỉnh thoảng hoặc không bao giờ tìm ví dụ minh họa cho những nội dung mình đang đọc. Điều này được thể hiện rõ qua biểu đồ sau:



Biểu đồ: Những biểu hiện vượt qua khó khăn bằng hành động cụ thể của SV trong khi đọc tài liệu chuyên môn, thực hành và NCKH

Ghi chú:

1. Khi đọc tài liệu chuyên môn ghi chép những ý chính quan trọng, tóm tắt dưới dạng sơ đồ, mô hình.

2. Tự trả lời câu hỏi và làm bài tập có trong tài liệu đang đọc.

3. Tự tìm ví dụ minh họa cho những nội dung đang đọc.

4. Khi đọc xong tự xây dựng bảng tóm tắt nội dung đã đọc theo trình tự logic.

5. Vận dụng kiến thức đã đọc được vào giải quyết những vấn đề gặp phải trong học tập và trong cuộc sống hàng ngày.

6. Tranh thủ cơ hội trình bày với giảng viên, bạn bè những điều đã đọc.

7. Thường xuyên tự rút kinh nghiệm cách đọc tài liệu chuyên môn để nhanh chóng xây dựng được cho mình cách đọc tài liệu chuyên môn hiệu quả nhất.

8. Tự làm các bài tập mà giảng viên giao cho sau mỗi lần lên lớp lý thuyết.

9. Tìm thêm các bài tập (ngoài những bài tập đã đề cập tới ở các nội dung trên) để làm, mặc dù giảng viên không yêu cầu.

10. Trả lời các câu hỏi do giảng viên nêu lên trong khi giảng lý thuyết.

11. Gặp gỡ giảng viên để nhận được sự giúp đỡ trong khi NCKH.

12. Trao đổi với bạn bè mỗi khi gặp khó khăn trong NCKH.

13. Vượt qua khó khăn để thực hiện đề tài khoa học đến cùng.

3. KẾT LUẬN

Từ những phân tích trên có thể đi đến kết luận rằng, động cơ học tập tiềm năng được hình thành khá đậm nét ở SV trường ĐHTĐ Hà Nội. Tuy nhiên, sự phát triển của nó thành động cơ có hiệu lực, thúc đẩy mạnh mẽ SV vượt qua mọi khó khăn trong học tập còn dừng lại ở mức độ chưa cao. Để động cơ học tập tiềm năng trở thành động cơ có hiệu lực đòi hỏi mỗi SV cần hiểu rõ hơn trách nhiệm của mình đối với bản thân, gia đình và cộng đồng, thấy được ý nghĩa to lớn của việc học tập, từ đó có ý chí vượt qua những khó khăn, thử thách nhằm đạt được kết quả cao hơn trong học tập. Trên cơ sở xác định được vai trò, thực trạng ĐCHT, vấn đề giáo dục ĐCHT cho SV là việc làm vô cùng quan trọng. Theo chúng tôi, ba biện pháp chính để giáo dục ĐCHT cho SV cần được quan tâm là: giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của SV về mục tiêu, ý nghĩa, yêu cầu ngành học, ý thức, trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và nhà trường; nâng cao năng lực chuyên môn, đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy của giảng viên; hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ việc dạy và học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Phê (2017), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Hồng Đức.
2. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên, 2003), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội.

4. Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thành Đức (2013), “Phân tích động cơ và chiến thuật tạo động cơ học tập của học viên bậc sau đại học trong lớp Anh văn không chuyên”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, số 25, tr 37-42.
5. C. Hull (Trần Đức Hiền dịch và Phan Thăng hiệu đính, 2006), *Tâm lý học, nguyên lý và ứng dụng*. Nxb. Lao động - Xã hội.
6. Brown H. D (1994), *Teaching by Principles*, USA, Prentice Hall Regents.
7. Huỳnh Văn Sơn (2012), *Giáo trình Tâm lý học giáo dục đại học*, Nxb. Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

STUDENT’S MOTIVATION FOR LEARNING AT HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY

Abstract: *Learning motivation is one of the most critical elements in the learning process. It brings strength and creates a powerful source of energy that make students feel responsible and enthusiastic to achieve their learning goals. It determines the purpose and promotes learning and training activities of students in order to achieve their goals, meet the training requirements, and prepare for their chosen profession. The article presents research results in student’s motivation to learn at Hanoi Metropolitan University through three basic activities: Researching professional documents, doing professional practice, and conducting scientific research.*

Keywords: *Learning motivation, students, Hanoi Metropolitan University.*